

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 244/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, Thành phố H.

Và anh Nghiêm Văn Q, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q đăng ký kết hôn ngày 29/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hòa hợp và hạnh phúc. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh, chị cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q có 03 con chung là Nghiêm Thị T, sinh ngày 19/9/200x; Nghiêm Hoàng L1, sinh ngày 30/12/200x và Nghiêm Hoàng L2, sinh ngày 30/12/200x. Chị S và anh Q thỏa thuận: Sau khi ly hôn, chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1, cháu L2 đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị S và anh Q thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị S và anh Q là hoàn toàn

tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q thỏa thuận để chị S chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nghiêm Thị T, sinh ngày 19/9/200x; anh Nghiêm Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cháu Nghiêm Hoàng L1, sinh ngày 30/12/200x và cháu Nghiêm Hoàng L2, sinh ngày 30/12/200x đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị S và anh Nghiêm Văn Q thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0008511 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị S đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- UBND xã D, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số 01 ngày 29/02/2007).
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)